

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2023

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 590/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hồng Nguyễn Diệu C, sinh năm 1999. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 15, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh Trần Thành T, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 13/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồng Nguyễn Diệu C trình bày:*

Tôi và anh Trần Thành T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên tôi có yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thành T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hồng Trung K, sinh ngày 04/10/2021. Sau khi ly hôn chị Hồng Nguyễn Diệu C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu anh Trần Thành T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Thành T vắng mặt tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu

cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy chị Hồng Nguyễn Diệu C và anh Trần Thành T do tìm hiểu tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, chị C xin ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Bị đơn anh T có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thành T vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồng Nguyễn Diệu C và anh Trần Thành T chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2019 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ ruột anh T, đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, theo chị C trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không còn hòa hợp về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị C đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2022 đến nay. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, chị C có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã phát sinh trong thời gian dài, không thể nào hóa giải được mâu thuẫn mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Mặc dù anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay, từ đó cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị C. Từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T là trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị Hồng Nguyễn Diệu C được ly hôn với anh Trần Thành T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hồng Trung K, sinh ngày 04/10/2021. Sau khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Theo chị C trình bày thì cháu K từ khi sinh ra đến nay đều sống chung với chị C, do chị C trực tiếp chăm sóc, hiện nay cháu K mới 15 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của chị C. Hiện chị C chỉ ở nhà, sống phụ thuộc vào

kinh tế của cha mẹ ruột, chưa có lao động để tạo ra thu nhập. Còn anh T hiện có công việc ổn định là đi làm vừa sâu riêng nên có đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trần Hồng Trung K, sinh ngày 04/10/2021 cho chị Hồng Nguyễn Diệu C nuôi dưỡng, buộc anh Trần Thành T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ, thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi, lao động được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Hồng Nguyễn Diệu C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh Trần Thành T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hồng Nguyễn Diệu C.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồng Nguyễn Diệu C được ly hôn với anh Trần Thành T.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Hồng Trung K, sinh ngày 04/10/2021 cho chị Hồng Nguyễn Diệu C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần Thành T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

3/ Về cấp dưỡng: Buộc anh Trần Thành T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí:

- Chị Hồng Nguyễn Diệu C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016819 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí.

- Anh Trần Thành T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã T, HCL, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kim Thoa